



TRỒNG TRỌT VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI Ở CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN (*)

NGỌC QUỲNH

Tây Nguyên là khu vực địa lý có tiềm năng rất lớn về đất, rừng, về các giống cây trồng; nơi có nhiều thành phần dân tộc cư trú. Lớp cư dân tại chỗ trình độ kinh tế, văn hoá, xã hội còn thấp, họ lấy trồng trọt làm phương thức hoạt động chủ yếu và gắn bó lâu đời với núi rừng Tây Nguyên.

Việc nghiên cứu trồng trọt Tây Nguyên bắt đầu được chú ý từ nửa sau của thế kỷ XIX bởi các học giả người Pháp. Và những nghiên cứu về trồng trọt Tây Nguyên của các học giả Pháp đã để lại nhiều nhiều tư liệu quý giá, giúp cho việc nhận diện ban đầu hoạt động trồng trọt truyền thống ở các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên. Thời kỳ Mỹ - Ngụy có một số tác giả cũng đã ít nhiều có đề cập đến trồng trọt của các dân tộc tại chỗ, nhưng nhìn chung sơ lược và thiếu chính xác nên ít đem lại những hiểu biết mới so với trước.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng các nhà dân tộc học Việt Nam đã đi sâu nghiên cứu về trồng trọt truyền thống Tây Nguyên. Đặc biệt là từ năm 1984 khi triển khai chương trình khoa học cấp Nhà nước (Mã số 48 C), việc nghiên cứu trồng trọt các dân tộc Tây Nguyên được đẩy mạnh hơn một bước, thể hiện qua hàng loạt bài viết của nhiều tác giả về các lĩnh vực định canh định cư, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cải tạo và phát triển các hình thức trồng trọt truyền thống từ sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

Trong tình hình đó, việc xuất bản công trình *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên* là điều rất cần

thiết, đáp ứng sự mong mỏi của nhiều người. Với hơn 200 trang viết, ngoài phần mở đầu và kết luận, công trình có 4 chương:

Chương một, Điều kiện tự nhiên và đặc điểm con người ảnh hưởng đến trồng trọt. Chương này, tác giả cho rằng, với những điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đã và đang có, Tây Nguyên có những tiền đề thuận lợi để phát triển trồng trọt, chăn nuôi. Dân cư ở đây, cư trú phân tán, mật độ dân số thấp, phân hoá giàu nghèo chưa rõ rệt, nhu cầu sống thấp và đơn giản, sản xuất dựa vào khai thác tự nhiên và phụ thuộc vào tự nhiên; xã hội mới thoát khỏi tiền giai cấp, trình độ kinh tế - xã hội thấp, chịu tác động ngày càng lớn của quá trình gia tăng dân số tự nhiên và cơ học.

Chương hai, Nương rẫy cổ truyền. Đối với Tây Nguyên, nương rẫy có vai trò hết sức to lớn trong đời sống mọi mặt của các dân tộc. Trải qua quá trình hàng ngàn năm lao động và thể nghiệm trên nương rẫy, các dân tộc Tây Nguyên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, những thế ứng xử hợp lý và hợp với quy luật tự nhiên nơi cư trú, làm cho con người và tự nhiên hoà đồng với nhau, nương tựa vào nhau cùng tồn tại. Thế ứng xử đó được thể hiện qua hàng loạt tri thức dân gian liên quan đến canh tác nương rẫy, hoạt động trồng trọt truyền thống chính yếu của hầu hết các tộc người tại chỗ Tây Nguyên. Càng ngược về quá khứ, vai trò to lớn của nương rẫy trong đời sống người Tây Nguyên càng rõ nét, không chỉ trong đời sống kinh tế, mà

trong cả đời sống xã hội, văn hoá và tâm linh.

Chương ba, Ruộng nước và vườn truyền thống. Chương này tác giả làm rõ vai trò ruộng nước và vườn trong các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên. Tác giả cho rằng, cho đến nay ở Tây Nguyên tồn tại cả hai hình thức ruộng nước: ruộng trâu quần và ruộng cày bừa. Với cư dân tại chỗ Tây Nguyên, làm rẫy và làm ruộng là hai mô hình hoàn toàn khác nhau. Cho nên, việc đưa ruộng nước vào vùng các tộc người tại chỗ Tây Nguyên phải là cả một quá trình từ từ, có chuẩn bị cơ sở vật chất, có hướng dẫn, giải thích. Về vườn ở Tây Nguyên tác giả cho rằng có ba loại: vườn trong rẫy, vườn quanh làng và vườn quanh nhà. Khi mà nguồn lợi tự nhiên còn dồi dào thì vườn còn nằm trên rẫy, gắn chặt với rẫy và có vai trò, vị trí mờ nhạt. Ngược lại, vườn được tách ra khỏi rẫy để trở thành hình thức trồng trọt độc lập và có vai trò vị trí quan trọng dần lên khi mà các nguồn lợi tự nhiên suy giảm và cạn kiệt dần. Vườn chuyên canh ở Tây Nguyên có điều kiện phát triển hơn.

Chương bốn, Trồng trọt Tây Nguyên từ sau giải phóng đến nay và những vấn đề đặt ra. Từ sau 1975 đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương giải quyết vấn đề nương rẫy Tây Nguyên trên cơ sở tiến hành cuộc vận động định canh định cư cho người dân tại chỗ. Thực chất của việc giải quyết vấn đề nương rẫy Tây Nguyên hiện nay là từng bước xoá bỏ hình thức trồng trọt mang tính chất phá rừng, phá tài nguyên môi sinh và gắn với tự cấp, tự túc trong nghèo nàn lạc hậu bằng cách thay thế nó bởi những hình thức canh tác mới mang tính chất duy trì và bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, gắn với sản xuất hàng hoá trên cơ sở thế mạnh tự nhiên và trình độ phát triển cư dân trong vùng. Thay đổi hình thức nương rẫy bằng hình thức canh tác khác đã là khó, nhưng

cái khó hơn, quan trọng hơn và tất yếu phải làm để đảm bảo đưa cái mới vào thành công là phải thay đổi được cả thói quen và lối sống nương rẫy.

Bằng phương pháp chuyên ngành, liên ngành và bằng cái nhìn của nhà dân tộc học, qua gần 20 năm dày công nghiên cứu từ trong sách vở, cũng như từ thực địa Tây Nguyên, tác giả đã trình bày tương đối đầy đủ và hệ thống sự hình thành, phát triển và biến đổi của các hình thức trồng trọt truyền thống của các cư dân tại chỗ Tây Nguyên, đặc biệt là hình thức trồng trọt nương rẫy. Qua tác phẩm này, tác giả làm rõ tính thống nhất và đa dạng của nông nghiệp các dân tộc trong khu vực, phân tích sự thích ứng và mối quan hệ tộc người với tự nhiên trong hệ sinh thái nông nghiệp truyền thống. Đồng thời cũng nêu lên được những đặc trưng kinh tế, văn hoá, xã hội của các dân tộc trong khu vực nói chung và từng tộc người nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu trồng trọt truyền thống tác giả cũng đưa ra những nhận xét, gợi ý làm cơ sở cho việc chuyển đổi trồng trọt Tây Nguyên từ truyền thống sang hiện tại, thiết thực góp phần vào việc xoá đói giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sống.

Cuốn sách *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*, là công trình có nhiều tư liệu phong phú, cụ thể, chính xác; có nhiều phân tích khoa học và có nhiều kiến giải đáng quan tâm, có sức thuyết phục và có thể ứng dụng trong việc chỉ đạo và quản lý sản xuất không chỉ ở Tây Nguyên mà nhiều khu vực miền núi khác. Có thể nói, đây là công trình vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn, có đóng góp mới cho ngành dân tộc học.

Tạp chí Dân tộc học, giới thiệu cuốn sách này cùng bạn đọc.

(*) Bùi Minh Đạo. Nxb. Khoa học xã hội, H. 2000, 218 tr. khổ 14,5 x 20,5cm.